

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 158/2023/DS-ST

Ngày: 28-12-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hết

2/ Bà Trần Thị Sầm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2023/TLST – DS, ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc: *“Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 500/2023/QĐST – DS, ngày 12 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn L, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: số 5/2 ấp P, xã P, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị Thanh N, sinh năm 1990. Địa chỉ cư trú: số 211 ấp M, xã N, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ liên hệ: khu phố A, thị trấn T, huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1973. Cùng địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Ông T, bà Nh có mặt. Bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 09/10/2023 của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L, lời trình bày trong quá trình tố tụng của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị Thanh N có nội dung:*

Ông Huỳnh Văn L yêu cầu ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh Nh có nghĩa vụ liên đới trả số tiền thức ăn chăn nuôi còn thiếu là 109.300.000 đồng. Đồng thời, ông L yêu cầu tính lãi từ ngày 28/9/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0.83%/ tháng. Cụ thể tính lãi từ ngày 28/9/2022 đến ngày 28/12/2023 là: 15 tháng với số tiền là 13.607.850 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là: 122.907.850 đồng.

Lý do yêu cầu: Ông L có thỏa thuận bán thức ăn chăn nuôi cho vợ chồng ông T, bà Nh để chăn nuôi heo, thỏa thuận mỗi lần đến vụ tổng kết nợ thì ông T, bà Nh sẽ trả tiền. Đến ngày 26/02/2022, tổng kết lại thì vợ chồng ông T, bà Nh còn thiếu số tiền 139.300.000 đồng. Sau đó thanh toán được các lần:

- Ngày 22/5/2022, trả: 10.000.000 đồng.

- Ngày 28/9/2022, trả: 20.000.000 đồng.

Còn thiếu 109.300.000 đồng đến nay chưa thanh toán nên phát sinh tranh chấp. Ông L không đồng ý việc xin trả dần của ông T, bà Nh.

** Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bị đơn ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh Nh trình bày:*

Ông bà thừa nhận còn nợ ông L số tiền mua thức ăn chăn nuôi là 109.300.000 đồng và đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên, ông bà xin trả dần mỗi tháng là 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ do hoàn cảnh kinh tế khó khăn. Về tiền lãi, khi hòa giải ông bà đồng ý trả. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông bà có ý kiến nếu ông L đồng ý cho ông bà trả dần như trên thì ông bà đồng ý trả tiền lãi như ông L yêu cầu, nếu không cho trả dần thì ông bà không đồng ý trả lãi.

Vào ngày 28/9/2022, bà Nh có đem tiền trả lần cuối cho ông L, sau đó không có trả nữa, còn nợ lại số tiền 109.300.000 đồng (đúng như văn bản mà ông L nộp cho Tòa án). Có hứa là mỗi tháng trả cho ông L 5.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và nội dung yêu cầu của ông Huỳnh Văn L, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”; trong đó xác định ông Huỳnh Văn L là nguyên đơn (do bà Lê Thị Thanh N là người đại diện theo ủy quyền); ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh Nh là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của bà Lê Thị Thanh N có đơn xin vắng mặt, có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn liên đới trả tiền gốc 109.300.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Các bên đều thống nhất các nội dung: Giữa ông L và vợ chồng ông T, bà Nh có thỏa thuận mua bán thức ăn chăn nuôi, trong đó bên mua là ông T, bà Nh và bên bán là ông L; thống nhất đến ngày 28/9/2022 số tiền mà ông T, bà Nh còn nợ ông L là 109.300.000 đồng. Ông T, bà Nh cũng thừa nhận nợ. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xác định đây là sự thật, được thừa nhận nên ông L không cần phải chứng minh.

2.2. Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn liên đới trả tiền lãi từ 28/9/2022 đến ngày 28/12/2023 với số tiền là 13.607.850 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Khi thỏa thuận hợp đồng mua bán, các bên không thỏa thuận việc trả lãi. Tuy nhiên, căn cứ vào các Điều 357, khoản 3 Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về nghĩa vụ trả lãi do chậm thực hiện trả tiền, thấy rằng: Lần cuối bà Nh trả tiền là ngày 28/9/2022, có hứa mỗi tháng trả 5.000.000 đồng nhưng sau đó không trả nữa. Do phía ông T, bà Nh chậm trả tiền nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Xét mức lãi nguyên đơn yêu cầu (0.83%/tháng) không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 29/9/2022 đến ngày 28/12/2023 là: 15 tháng (tính tròn) x 0.83%/tháng x 109.300.000 đồng = 13.607.850 đồng.

Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 28/12/2023 là: 122.907.850 đồng (Làm tròn: 122.907.800 đồng). Thấy rằng việc chăn nuôi là làm kinh tế chung của vợ chồng, được thực hiện trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T, bà Nh nên Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc ông T, bà Nh liên đới trả tiền còn thiếu cho ông L là phù hợp với quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Đối với việc ông T, bà Nh đề nghị xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Yêu cầu trả dần là nội dung liên quan đến thời gian và cách thức thi hành án của người phải thi hành án đối với số tiền có nghĩa vụ phải trả cho người được thi hành án, nội dung này thuộc giai đoạn thi hành án (đã được giải thích cho đương sự nhiều lần). Do trong quá trình hòa giải, phía người đại diện của nguyên đơn không đồng ý việc xin trả dần, các bên không thống nhất được nội dung này nên không đủ căn cứ ghi nhận, phiên hòa giải không thành phải đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa, phía người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt, không có ý kiến, không thể cho các bên tiếp tục thỏa thuận nên không có cơ sở để ghi nhận nội dung này trong bản án. Do đó, Hội đồng xét xử chỉ xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn liên đới trả số tiền còn thiếu là 122.907.800 đồng, còn về thời gian và phương thức trả tiền sẽ được xem xét, giải quyết trong quá trình thi hành án, thuộc thẩm quyền của cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

Các đương sự không có yêu cầu khác nên không xem xét, giải quyết.

Ông T, bà Nh phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, 430, 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn L về việc yêu cầu bị đơn ông Bùi Văn T, bà Nguyễn Thị Thanh Nh liên đới trả tiền mua bán tài sản còn thiếu.

Cụ thể tuyên:

1. Buộc ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh Nh có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Huỳnh Văn L số tiền mua bán tài sản (thức ăn chăn nuôi) còn thiếu là: 122.907.800 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu chín trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng). Trong đó: Vốn là: 109.300.000 đồng (Một trăm lẻ chín triệu ba trăm nghìn đồng); Tiền lãi từ 29/9/2022 đến ngày 28/12/2023 là: 13.607.800 đồng (Mười ba triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn tám trăm đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị Thanh Nh liên đới nộp: 6.145.000 đồng (Sáu triệu một trăm bốn mươi lăm nghìn đồng).

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 3.027.000 đồng (Ba triệu không trăm hai mươi bảy nghìn đồng) cho ông Huỳnh Văn L tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002053, ngày 01/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Các đương sự không còn yêu cầu nào khác, không xem xét.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã nơi người đó cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- THA huyện Mỏ Cày Nam;
- Đương sự;
- Lưu (HS, VP).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng

